

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-PT

Ngày 15-01-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Nga

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn và bà Nguyễn Thị Hân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tiến Thành - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc: “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 126/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C

Địa chỉ: Số A phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc T1 – Giám đốc Phòng giao dịch huyện V. Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Vũ Thu H – Phó Giám đốc Phòng giao dịch huyện V. Địa chỉ: Khu M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình (bà H có mặt)

- Bị đơn: Ông Phạm Kim S, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình (có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn - ông Phạm Kim S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Nguyên đơn - Ngân hàng C trình bày:**

Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam huyện C (NHCSXH) có ký hợp đồng với ông Phạm Kim S cho vay theo chương trình cho vay từ quỹ quốc gia về giải quyết việc làm theo Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ (nay là Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ). Căn cứ quyết định số 7782/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 của UBND huyện V về việc phê duyệt vay vốn Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm có tên ông Phạm Kim S trong danh sách với số tiền vay là 20.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất cho vay là 6,6%/năm, trả nợ gốc 06 tháng/lần, trả lãi một lần mỗi tháng.

Ngày 10/9/2016, gia đình ông Phạm Kim S được Tổ tiết kiệm và vay vốn (T4) do ông Phạm Đức N làm tổ trưởng thuộc Hội nông dân xã T là đơn vị nhận ủy thác vốn vay trực tiếp quản lý, bình xét cho vay chương trình tín dụng giải quyết việc làm và đã được Ủy ban nhân dân (UBND) xã T phê duyệt, đề nghị Phòng C huyện Vũ Thư cho vay đối với chương trình vay giải quyết việc làm với số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để đầu tư xây chuồng trại mua lợn nái sinh sản. Ngân hàng đã giải ngân tiền vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cho ông S vào ngày 24 tháng 9 năm 2016, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 24 tháng 9 năm 2019. Biện pháp bảo đảm khoản vay là tín chấp qua tổ chức Hội nông dân xã T là đơn vị nhận ủy thác của NHCSXH huyện V. Sau khi vay vốn, hộ gia đình ông Phạm Kim S đã thực hiện nộp lãi tiền vay định kỳ hàng tháng đến ngày 24/11/2020 là 5.990.396 đồng; số tiền được nhà nước hỗ trợ lãi suất từ ngày 24 tháng 01 năm 2021 đến ngày 24 tháng 01 năm 2022 là 43.252 đồng. Như vậy tổng tiền lãi đã thu là 6.033.648 đồng. Đến ngày 18/5/2023 số dư nợ của ông S với Ngân hàng là 24.121.000 đồng, trong đó: Dư nợ gốc là 20.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn là 4.121.000 đồng.

Do ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ với ngân hàng nên Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam huyện C đã phối hợp với chính quyền địa phương dùng nhiều biện pháp để đôn đốc thu hồi nợ và đã chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn từ ngày 24/9/2019. Cụ thể cách tính như sau: Lãi suất quá hạn = 130% x 6,6% = 8,58%.

01 ngày lãi = = 4.701 đồng/ngày

Lãi tồn: Từ ngày 24/11/2020 đến ngày 26/9/2024 = 1403 ngày.

Do đó: tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ông S phải trả là:

$(1.403 \text{ ngày} \times 4.701 \text{ đồng/ngày}) - 43.252 \text{ đồng (nhà nước hỗ trợ lãi suất)} = 6.552.251 \text{ đồng.}$

Vì vậy, Ngân hàng C yêu cầu Tòa án buộc ông S phải trả toàn bộ số nợ vốn gốc và lãi quá hạn tính đến ngày 26/9/2024 là 26.552.251 đồng, trong đó: Dư nợ gốc là 20.000.000 đồng; Lãi quá hạn là 6.552.251 đồng và ông S phải chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi ông Phạm Kim S thực hiện trả hết khoản nợ cho NHCSXH.

*** Bị đơn - ông Phạm Kim S trình bày:**

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam huyện C, lý do ông không vay số tiền gốc là 20.000.000 đồng, không được nhận số tiền gốc là 20.000.000 đồng nên ông không có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng. Năm 2016, ông không có nhu cầu, nguyện vọng mua lợn giống, xây chuồng trại để sản xuất nên không có nhu cầu vay vốn hỗ trợ tạo việc làm của ngân hàng C1. Tại Giấy đề nghị vay vốn ngày 08/9/2016 mà Ngân hàng cung cấp cho Tòa án thì ông không viết vào giấy đề nghị vay vốn, không ký vào phần người đề nghị vay vốn. Ông không biết gì về việc ông được đưa vào danh sách phê duyệt cho vay vốn từ quỹ quốc gia về việc làm của Chủ tịch UBND huyện V, cũng không biết việc NHCSXH phê duyệt cho ông vay khoản tiền 20.000.000 đồng. Ông cũng không được nhận bất cứ khoản tiền nào mà NHCSXH giải ngân, trong đó có khoản vay 20.000.000 đồng. Tại phần người vay vốn trên sổ vay vốn mã KH: 7076144045 của NHCSXH, ông không ký và viết chữ họ tên “Phạm Kim S”. Theo ông, chữ ký và chữ viết họ tên “Phạm Kim S” là do tổ vay vốn làm. Tại thời điểm tháng 9/2016 thì tổ trưởng tổ vay vốn của thôn P, xã T là ông Phạm Đức N. Tại Phiếu giải ngân của Ngân hàng ngày 24/9/2016, sổ lưu từ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ và tại bảng kê các loại tiền được lĩnh đều không phải chữ ký và chữ viết họ tên của ông. Theo ông, chữ ký và chữ viết họ tên “Phạm Kim S” là do tổ vay vốn của thôn tự ký, tự viết. Từ ngày 24/9/2016 đến nay, ông chưa đến NHCSXH huyện Vũ T2 và chưa gặp tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn của thôn P, xã T để thực hiện các nghĩa vụ của người vay đối với khoản vay 20.000.000 đồng mà Ngân hàng khởi kiện.

Tại thời điểm tháng 9/2016, ông sống cùng với vợ và các con ông là Nguyễn Thị T3, sinh năm 1972; Phạm Tiến N1, sinh năm 1994; Phạm Thị Anh K, sinh

năm 1997 tại thôn P, xã T. Tuy nhiên không có ai đứng ra làm thủ tục vay vốn của Ngân hàng và không nhận tiền giải ngân của Ngân hàng theo nội dung đơn khởi kiện của NHCSXH. Ông và gia đình ông không biết gì về khoản vay này cho đến khi nhận được thông báo thu nợ quá hạn của NHCHXH huyện Vũ T2 gửi cho ông vào ngày 23/10/2019. Ông có phản ánh việc gia đình ông không vay khoản tiền 20.000.000 đồng đối với cán bộ Ngân hàng khi Ngân hàng đến gia đình ông và đến UBND xã T làm việc.

Nay Ngân hàng khởi kiện, ông đề nghị Tòa án trưng cầu giám định đối với các chữ ký và chữ viết họ tên của ông trên Phiếu giải ngân ngày 24/09/2016, bảng kê các loại tiền lĩnh ngày 24/9/2016 và sổ lưu từ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ. Kết luận giám định bên nào sai thì bên đó hoàn toàn chịu trách nhiệm. Ông sẽ cung cấp đầy đủ các chữ ký của ông để Tòa án làm cơ sở giám định giúp ông. Đối với chi phí giám định, ông đề nghị Ngân hàng nộp tạm ứng.

*** Tại Kết luận giám định số 635/KL-KTHS ngày 08/8/2024, Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận:**

Chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Kim S dưới mục “Khách hàng” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Phạm Kim S trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M7 do cùng một người ký, viết ra.

*** Bản án số 13/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đã quyết định:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 11, Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C: Buộc ông Phạm Kim S phải trả cho Ngân hàng C toàn bộ số tiền gốc và lãi quá hạn tính đến ngày 26/9/2024 là: 26.552.251 đồng, trong đó: Dư nợ gốc là 20.000.000 đồng;

Lãi quá hạn là 6.552.251 đồng.

2. Kể từ ngày 27/9/2024 cho đến khi thi hành án xong ông Phạm Kim S còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, ông Phạm Kim S kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NHCSXH.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Ngân hàng C xã hội giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại giai đoạn sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông S.

Ông Phạm Kim S trình bày: Ông không vay số tiền 20.000.000 đồng của NHCSXH. Ngân hàng bảo ông vay tiền từ ngày 24/9/2016 nhưng đến năm 2019 NHCSXH huyện Vũ T2 đến nhà ông thì ông mới được biết có khoản vay trên. Ông không có khiếu nại gì đối với Kết luận giám định chữ ký và chữ viết họ tên của ông nhưng đề nghị giám định có hay không có dấu vân tay của ông trên Phiếu giải ngân.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng; các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Kim S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của ông Phạm Kim S làm trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, do đó được thụ lý và đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Phạm Kim S:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 08/9/2016, ông S có làm Giấy đề nghị vay vốn, hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm gửi Ngân hàng C Chi nhánh huyện V. Trong giấy đề nghị nêu rõ người đề nghị vay vốn cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, giấy đề nghị có chữ ký của ông S và xác nhận của chủ tịch UBND xã T. Ngân hàng đã thực hiện thẩm định đối với trường hợp đề nghị vay vốn của ông S. Phiếu thẩm định tín dụng đề ngày 10/9/2016 thể hiện dự án vay vốn của ông S với mục đích xây chuồng trại chăn nuôi lợn nái sinh sản có tính khả thi, hiệu quả cao, có khả năng trả lại vốn vay. Trên cơ sở đó, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C đã có Tờ trình số 239B/TTr-NHCS đề ngày 23/9/2016 đề nghị Chủ tịch UBND huyện V phê duyệt vay vốn cho hộ ông S. Cùng ngày, Chủ tịch UBND huyện V đã ban hành Quyết định số 7782/QĐ-UBND phê duyệt cho vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm cho 04 hộ gia đình trong đó có hộ ông S, số tiền cho vay là 20.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 0,55%/tháng; lãi suất quá hạn là 130% lãi suất trong hạn theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm. Ngân hàng đã lập sổ vay vốn đối với ông S với mã khách hàng là 7076144045. Ông S đã được nhận vốn vay, thể hiện tại phiếu giải ngân, bảng kê các loại tiền lĩnh cùng đề ngày 24/9/2016 đều có chữ ký của ông S. Trong quá trình vay vốn, ông S đã trả tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn đến ngày 24/11/2020 với số tiền 6.033.648 đồng nhưng chưa trả cho Ngân hàng nợ gốc nên bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 24/9/2019. Tính đến ngày 26/9/2024, ông S còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 26.552.251 đồng, trong đó dư nợ gốc là 20.000.000 đồng; lãi quá hạn là 6.552.251 đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện buộc ông S trả toàn bộ số tiền trên.

Ông S cho rằng ông không vay vốn ngân hàng nên không đồng ý trả nợ. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành giám định chữ ký, chữ viết của ông Phạm Kim S dưới mục “Khách hàng” trên Phiếu giải ngân ngày 24/9/2016 của Phòng giao dịch huyện V - Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh C. Kết luận giám định số

635/KL-KTHS ngày 08/8/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Kim S dưới mục “Khách hàng” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Phạm Kim S trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M7 do cùng một người ký, viết ra. Tại phiên toà phúc thẩm, ông S đề nghị giám định có hay không có dấu vân tay của ông trên Phiếu giải ngân. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này của ông không có cơ sở để chấp nhận vì các tài liệu này không có điểm chỉ nên không có căn cứ giám định dấu vân tay. Như vậy, đủ căn cứ xác định ông S có thực hiện giao dịch vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm như lời trình bày của phía Ngân hàng. Do đó, không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông S.

Xét thấy, Ngân hàng đã thực hiện cho ông S vay vốn đúng theo quy định về nguyên tắc cho vay vốn, đối tượng vay vốn, mức vay, thời hạn vay vốn, lãi suất vay, lập hồ sơ vay vốn, thẩm định, phê duyệt hồ sơ vay vốn, thu hồi vốn vay theo đúng quy định tại các Điều 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 và 30 của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; thỏa thuận vay vốn giữa các bên phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự. Do đó, việc bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Phạm Kim S phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến ngày 26/9/2024 là 26.552.251 đồng, trong đó dư nợ gốc là 20.000.000 đồng; lãi quá hạn là 6.552.251 đồng; kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn phúc thẩm, ông Phạm Kim S không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là căn cứ. Từ những phân tích đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Kim S, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của ông S không được chấp nhận nên ông S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 24;

khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Kim S, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Cụ thể:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 11, Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C: Buộc ông Phạm Kim S phải trả cho Ngân hàng C toàn bộ số tiền gốc và lãi quá hạn tính đến ngày 26/9/2024 là: 26.552.251 đồng, trong đó: Dư nợ gốc là 20.000.000 đồng; Lãi quá hạn là 6.552.251 đồng.

2. Kể từ ngày 27/9/2024 cho đến khi thi hành án xong ông Phạm Kim S còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Kim S phải chịu 1.327.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Kim S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng ông S tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0001810 ngày 02/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, ông S đã chấp hành xong nghĩa vụ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày 15/01/2025.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân; Viện kiểm sát nhân dân; Chi cục THADS huyện Vũ Thư;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Nga